



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
102A Phó Cơ Điều, P.4, Q.11, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

Số: AH/CV-HĐQT

TP.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên tổ chức niêm yết: Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Mã chứng khoán: SVT

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, Tp.HCM

Điện thoại: (84.028) 39560169 - 0902887582

Fax: (84.028) 39560893

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông công bố thông tin BÁO CÁO TÀI CHÍNH SOÁT XÉT BÁN NIÊN NĂM 2025

Đính kèm Báo cáo

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13 tháng 08 năm 2025 tại đường dẫn: <http://www.savitechco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	13 – 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận kinh doanh số 0300716891 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 và các đăng ký thay đổi sau đó, lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 173.109.780.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVT.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các sản phẩm từ giấy và bìa giấy; dịch vụ cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Như Ngọc	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Lý Thị Ngọc Châu	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Châu	Thành viên
Ông Bùi Quang Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Khoa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển
Bà Mai Thị Trúc Giang	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Như Ngọc - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



Số: 666 /BCSX/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông, được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính đó vào ngày 13/08/2024 và 25/03/2025.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc**



Tạ Quang Long

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.361.285.083	65.379.261.375
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.725.063.190	5.434.911.629
1. Tiền	111		1.725.063.190	5.434.911.629
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.636.221.893	59.938.209.246
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.521.000.000	1.021.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.319.299.000	110.475.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	49.000.000.000	54.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	14.821.922.893	4.832.734.246
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(26.000.000)	(26.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	6.140.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	-	6.140.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.900.222.094	171.287.670.435
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	87.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
II. Tài sản cố định	220		17.426.076	50.490.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.426.076	50.490.582
- Nguyên giá	222		4.890.412.298	4.890.412.298
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.872.986.222)	(4.839.921.716)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	10.722.245.910	11.151.135.750
- Nguyên giá	231		22.865.196.201	22.865.196.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.142.950.291)	(11.714.060.451)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		941.383.878	941.383.878
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	941.383.878	941.383.878
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	165.928.782.652	158.824.482.652
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.074.660.000	139.074.660.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.854.122.652	19.749.822.652
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		203.383.578	320.177.573
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	203.383.578	320.177.573
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247.261.507.177	236.666.931.810



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.290.380.313	1.307.458.017
I. Nợ ngắn hạn	310		1.290.380.313	1.307.458.017
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	194.209.664	138.167.374
4. Phải trả người lao động	314		76.513.006	142.900.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	65.000.000	150.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	17.758.019	13.791.019
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	936.899.624	862.599.624
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245.971.126.864	235.359.473.793
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	245.971.126.864	235.359.473.793
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.109.780.000	173.109.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.109.780.000	173.109.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

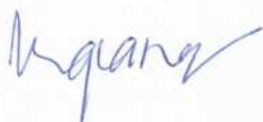
Đơn vị tính: VND

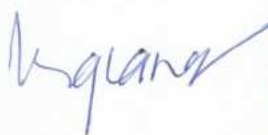
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.350.969.208	5.350.969.208
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.710.377.656	52.098.724.585
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.998.724.585	24.517.289.909
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.711.653.071	27.581.434.676
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		247.261.507.177	236.666.931.810

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT







Mai Thị Trúc Giang

Mai Thị Trúc Giang

Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.363.636.362	1.363.636.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.363.636.362	1.363.636.362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	537.328.126	532.802.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		826.308.236	830.834.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.069.871.149	16.888.340.564
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	1.980.105.421	1.891.706.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.916.073.964	15.827.468.704
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	812.298.972
13. Lợi nhuận khác	40		-	(812.298.972)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.916.073.964	15.015.169.732
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	204.420.893	499.156.177
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.711.653.071	14.516.013.555
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	613	839
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	613	839

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Mai Thị Trúc Giang

Mai Thị Trúc Giang

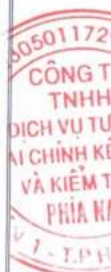
Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.916.073.964	15.015.169.732
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		461.954.346	461.954.346
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(12.069.871.149)	(16.888.340.564)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(691.842.839)	(1.411.216.486)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.721.717.498)	5.977.675.202
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(87.556.476)	(154.736.023)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		122.934.495	114.943.754
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(208.242.121)	(577.297.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(25.700.000)	(25.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.612.124.439)	3.924.319.066
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.223.424.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	8.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.104.300.000)	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.230.000.000	20.555.048.323
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(1.097.724.000)	(1.244.951.677)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

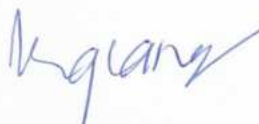
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.709.848.439)	2.679.367.389
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.434.911.629	2.375.966.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.725.063.190	5.055.333.868

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT







Mai Thị Trúc Giang

Mai Thị Trúc Giang

Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông được thành lập theo Giấy Chứng nhận kinh doanh số 0300716891 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 và các đăng ký thay đổi sau đó, lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 173.109.780.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVT.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 10 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10 nhân viên).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các sản phẩm từ giấy và bìa giấy; dịch vụ cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có các Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	35,77%	35,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	30,00%	30,00%

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và đến ngày 30/06/2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản; còn các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20	05 – 20
- Máy móc, thiết bị	10	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 10	08 – 10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Bất động sản đầu tư của Công ty là công trình tòa nhà 6 tầng (bao gồm các trang thiết bị quản lý kèm theo) được sử dụng vào hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	25
- Trang thiết bị quản lý	10	10

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

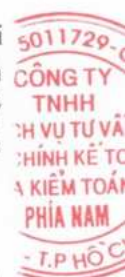
10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa;

- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ;

- Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê;

Tiền lãi, cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	279.193	279.193
Tiền gửi ngân hàng	1.541.183.997	5.434.632.436
Tiền đang chuyển	183.600.000	-
Cộng	1.725.063.190	5.434.911.629

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (i)	113.496.660.000	113.496.660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (ii)	25.578.000.000	25.578.000.000
Cộng	139.074.660.000	139.074.660.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
Giá trị thuần	139.074.660.000	139.074.660.000

(i) Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0305623305 cấp lần đầu ngày 27/02/2008, thay đổi gần nhất (lần thứ 09) ngày 22/10/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 230.400.000.000 VND. Trong đó, Công ty sở hữu 8.241.600 cổ phiếu có giá trị là 82.416.000.000 VND, tương đương 35,77% vốn điều lệ. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực tương đương tỷ lệ sở hữu.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0306213397 cấp lần đầu ngày 28/01/2010, thay đổi gần nhất (lần thứ 12) ngày 01/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 91.260.000.000 VND. Trong đó, Công ty sở hữu 2.737.800 cổ phiếu có giá trị là 27.378.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt tương đương tỷ lệ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối tượng góp vốn	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	15,79%	26.854.122.652	15,79%	19.749.822.652
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	4,70%	21.312.900.000	4,70%	14.208.600.000
		1.500.000.000		1.500.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	4,95%	2.225.790.000	4,95%	2.225.790.000
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	1,77%	1.215.000.000	1,77%	1.215.000.000
Công ty Cổ phần Chè - Cà phê Di Linh	0,90%	600.432.652	0,90%	600.432.652
Cộng		26.854.122.652		19.749.822.652
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-		-
Giá trị thuần		26.854.122.652		19.749.822.652

Tỷ lệ biểu quyết tại các Công ty này bằng với tỷ lệ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Các khách hàng là bên liên quan</i>	2.521.000.000	1.021.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	2.500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	2.100.000.000	840.000.000
	400.000.000	160.000.000
<i>Các khách hàng là bên thứ ba</i>		
Võ Tấn Phương	21.000.000	21.000.000
	21.000.000	21.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.521.000.000	1.021.000.000

4. Trả trước người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i>	1.319.299.000	110.475.000
Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Điện Phát Huy	1.319.299.000	110.475.000
Các nhà cung cấp khác	1.223.424.000	-
	95.875.000	110.475.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.319.299.000	110.475.000

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Bên vay là các bên liên quan</i>	49.000.000.000	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (i)	34.000.000.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (ii)	15.000.000.000	24.000.000.000
	19.000.000.000	15.000.000.000
<i>Bên vay là bên thứ ba</i>		
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội (iii)	15.000.000.000	15.000.000.000
	15.000.000.000	15.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	49.000.000.000	54.000.000.000

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ vay theo hợp đồng số 01/12/2024/HĐVV ngày 10/12/2024 với số tiền vay là 15 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh giáo dục. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt vay theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay vốn số 02/12/2024/HĐVV ngày 14/12/2024 với số tiền vay là 15 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh với lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/01/2025/HĐVV ngày 20/01/2025 với số tiền vay là 4 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh giáo dục khối mầm non tại TP.HCM. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/01/2025, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản cho Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội vay theo hợp đồng 01/08/2023/HĐVV ngày 21/08/2023 để bổ sung vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại. Thời hạn cho vay là 24 tháng. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	14.821.922.893	4.832.734.246
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	25.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	14.786.922.893	4.822.734.246
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (lãi cho vay và cổ tức)	13.996.580.427	4.553.076.712
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (lãi cho vay, cổ tức và khoản chi hộ tiền điện)	8.157.764.383	4.037.205.479
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (cổ tức)	5.727.526.544	515.871.233
Phải thu ngắn hạn khác các bên thứ ba	111.289.500	-
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội (lãi cho vay)	790.342.466	269.657.534
Các đối tượng khác	785.342.466	264.657.534
	5.000.000	5.000.000
b) Dài hạn (*)	87.000.000	-
Cộng	<u>14.908.922.893</u>	<u>4.832.734.246</u>

(*) Là khoản ký quỹ, ký cược Công ty Điện lực Phú Thọ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nợ xấu

		30/06/2025		01/01/2025		Đơn vị tính: VND	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khách hàng	Võ Tấn Phương	21.000.000	-	21.000.000	21.000.000	-	21.000.000
	Phải thu khác	21.000.000	-	21.000.000	21.000.000	-	21.000.000
	Ký quỹ bình CO2	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000
		5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000
Cộng		26.000.000	-	26.000.000	26.000.000	-	26.000.000

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Khởi nhà số 2 tại địa chỉ 252 Lạc Long Quân, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đang trong giai đoạn chờ xét duyệt các hồ sơ pháp lý liên quan để tiếp tục xây dựng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Số dư đầu kỳ (01/01/2025) Số dư cuối kỳ (30/06/2025) Giá trị đã hao mòn Số dư đầu kỳ (01/01/2025) Trích khấu hao trong kỳ Số dư cuối kỳ (30/06/2025) Giá trị còn lại Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025) Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025) * Ghi chú:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
	4.623.076.544	92.780.000	174.555.754	4.890.412.298
	4.623.076.544	92.780.000	174.555.754	4.890.412.298
	4.572.585.962	92.780.000	174.555.754	4.839.921.716
	33.064.506	-	-	33.064.506
	4.605.650.468	92.780.000	174.555.754	4.872.986.222
	50.490.582	-	-	50.490.582
	17.426.076	-	-	17.426.076

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.567.831.862 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là toà nhà 6 tầng Việt Mỹ (bao gồm các trang thiết bị quản lý kèm theo) tại địa chỉ số 252 Lạc Long Quân, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đang được sử dụng vào hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty.

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản bất động sản đầu tư

Số dư đầu kỳ (01/01/2025)

Số dư cuối kỳ (30/06/2025)

Giá trị đã hao mòn

Số dư đầu kỳ (01/01/2025)

Trích khấu hao trong kỳ

Số dư cuối kỳ (30/06/2025)

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu kỳ (01/01/2025)

Tại ngày cuối kỳ (30/06/2025)

Công trình tòa nhà 6 tầng	Trang thiết bị quản lý	Cộng
21.444.491.910	1.420.704.291	22.865.196.201
21.444.491.910	1.420.704.291	22.865.196.201
10.293.356.160	1.420.704.291	11.714.060.451
428.889.840	-	428.889.840
10.722.246.000	1.420.704.291	12.142.950.291
11.151.135.750	-	11.151.135.750
10.722.245.910	-	10.722.245.910

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.420.704.291 VND.

11. Chi phí trả trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	6.140.500
	-	6.140.500
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	203.383.578	320.177.573
Chi phí sửa chữa	10.390.139	16.912.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.388.698	93.770.262
	150.604.741	209.494.440
Cộng	203.383.578	326.318.073

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2025	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ 30/06/2025
a) Phải nộp			
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	138.167.374	372.039.253	(315.996.963)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.709.252	96.077.602	(56.985.066)
Thuế thu nhập cá nhân	118.232.122	204.420.893	(208.242.121)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.226.000	60.082.810	(47.769.776)
Các loại thuế khác	-	8.457.948	20.539.034
	-	3.000.000	(3.000.000)
b) Phải thu	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh	65.000.000 65.000.000	150.000.000 150.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	65.000.000	150.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.		

14. Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	17.758.019	13.791.019
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.588.000 16.170.019	- 13.791.019
b) Dài hạn	-	-
Cộng	17.758.019	13.791.019
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.		

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tại ngày 01/01		
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	862.599.624	789.098.698
Chi khen thưởng, phúc lợi	100.000.000 (25.700.000)	100.000.000 (25.050.000)
Tại ngày 30/06	936.899.624	864.048.698

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND				Tổng cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	50.583.756.909	233.844.506.117
Lãi trong năm trước	-	-	-	27.581.434.676	27.581.434.676
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(25.966.467.000)	(25.966.467.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối kỳ trước (31/12/2024)	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	52.098.724.585	235.359.473.793
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	52.098.724.585	235.359.473.793
Lãi trong kỳ này	-	-	-	10.711.653.071	10.711.653.071
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối kỳ này (30/06/2025)	173.109.780.000	4.800.000.000	5.350.969.208	62.710.377.656	245.971.126.864



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	173.109.780.000	173.109.780.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	173.109.780.000	173.109.780.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.310.978	17.310.978
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu phổ thông	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu phổ thông	17.310.978	17.310.978
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

c) Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-SVT-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua: Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương đương 25.966.467.000 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính do chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.363.636.362	1.363.636.362
Cộng	1.363.636.362	1.363.636.362

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	537.328.126	532.802.126
Cộng	537.328.126	532.802.126

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.990.401.649	1.587.031.064
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.079.469.500	15.301.309.500
Cộng	12.069.871.149	16.888.340.564

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.490.660.458	1.486.143.100
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	52.597.497	56.674.450
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.847.466	345.888.546
Cộng	1.980.105.421	1.891.706.096

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.916.073.964	15.015.169.732
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(9.893.969.500)	(14.302.510.528)
TNDN		
- Các khoản điều chỉnh tăng	185.500.000	998.798.972
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.079.469.500)	(15.301.309.500)
Tổng thu nhập chịu thuế	1.022.104.464	712.659.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất phổ thông 20%	204.420.893	142.531.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	-	356.624.336
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	204.420.893	499.156.177

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.711.653.071	14.516.013.555
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(100.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(100.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.611.653.071	14.516.013.555
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.310.978	17.310.978
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	613	839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.513.329	119.064.282
Chi phí nhân công	1.490.660.458	1.486.143.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.954.346	461.954.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.847.466	345.888.546
Chi phí khác bằng tiền	11.457.948	11.457.948
Cộng	2.517.433.547	2.424.508.222

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	Cổ đông lớn, chiếm 33,27% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Cổ đông lớn chiếm 7,4% vốn điều lệ và Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Chè - Cà phê Di Linh	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
- Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		424.000.000	410.780.000
Ông Bùi Quang Khoa	Tổng Giám đốc	159.700.000	156.900.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	145.000.000	141.680.000
Bà Mai Thị Trúc Giang	Kế toán trưởng	119.300.000	112.200.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị		240.000.000	240.000.000
Bà Phạm Thị Như Ngọc	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Lý Thị Ngọc Châu	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát		66.000.000	66.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng Ban	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Châu	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Bùi Quang Toàn	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		730.000.000	716.780.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Cổ đông lớn chiếm 7,4% vốn điều lệ và Công ty liên kết	Cho vay	-	10.000.000.000
		Lãi cho vay	-	580.328.768
		Cổ tức được chia	-	8.241.600.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cổ tức được chia	111.289.500	111.289.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	218.181.816	218.181.816
		Cho vay	4.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	5.475.600.000	4.106.700.000
		Thu tiền cổ tức được chia	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Lãi cho vay	644.958.904	-
		Cung cấp dịch vụ	1.145.454.546	1.145.454.546
		Cho vay	-	20.000.000.000
		Thu tiền cho vay	9.000.000.000	-
		Góp vốn cổ phần	7.104.300.000	-
		Cổ tức được chia	4.262.580.000	2.841.720.000
		Lãi cho vay phải thu	823.123.287	379.726.027
		Tiền điện chi hộ phải thu	699.999.551	-
Công ty Cổ phần Chè - Cà phê Di Linh	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Tiền điện chi hộ đã thu	574.047.527	-
		Cổ tức được chia	20.000.000	-
		Thu tiền cổ tức được chia	20.000.000	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	30/06/2025
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.6)	111.289.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ (thuyết minh V.3)	400.000.000	160.000.000
		Phải thu từ cho vay (thuyết minh V.5)	19.000.000.000	15.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minh V.6)	682.164.383	37.205.479
		Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.6)	7.475.600.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ (thuyết minh V.3)	2.100.000.000	840.000.000
		Phải thu từ cho vay (thuyết minh V.5)	15.000.000.000	24.000.000.000
		Phải thu lãi cho vay (thuyết minh V.6)	1.338.994.520	515.871.233
		Phải thu cổ tức được chia (thuyết minh V.6)	4.262.580.000	-
		Phải thu khoản chi hộ tiền điện (thuyết minh V.6)	125.952.024	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	30/06/2025		01/01/2025		Đơn vị tính: VND
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.725.063.190	-	5.434.911.629		
Phải thu khách hàng	2.521.000.000	(21.000.000)	1.021.000.000	(21.000.000)	
Các khoản phải thu khác	14.908.922.893	(5.000.000)	4.832.734.246	(5.000.000)	
Phải thu về cho vay	49.000.000.000	-	54.000.000.000	-	
Cộng	68.154.986.083	26.000.000	65.288.645.875	26.000.000	
			Giá trị sổ sách		Đơn vị tính: VND
			30/06/2025	01/01/2025	
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả			65.000.000	150.000.000	
Các khoản phải trả khác			17.758.019	13.791.019	
Cộng			82.758.019	163.791.019	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng và cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty cho bên liên quan và đối tác vay tiền. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số đầu kỳ (01/01/2025)	163.791.019	-	163.791.019
Chi phí phải trả	150.000.000	-	150.000.000
Các khoản phải trả khác	13.791.019	-	13.791.019
Số cuối kỳ (30/06/2025)	82.758.019	-	82.758.019
Chi phí phải trả	65.000.000	-	65.000.000
Các khoản phải trả khác	17.758.019	-	17.758.019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của mình. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và kiểm toán.

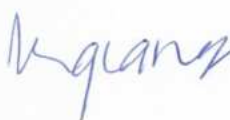
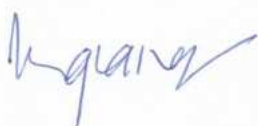
9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Mai Thị Trúc Giang

Mai Thị Trúc Giang

Phạm Thị Như Ngọc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2025